



## **BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2010**

**CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY VÀ  
CÁP ĐIỆN TAYA VIỆT NAM**

Tháng 4 năm 2011

# MỤC LỤC

1.	LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY .....	2
1.1.	Lịch sử hình thành.....	2
1.1.1	Việc thành lập .....	2
1.1.2	Chuyển đổi sở hữu thành Công ty cổ phần .....	2
1.1.3	Niên yết: .....	2
1.1.4	Ngày giao dịch chính thức .....	2
1.2.	Quá trình phát triển .....	2
1.2.1	Ngành nghề kinh doanh .....	2
1.2.2	Tình hình hoạt động và quá trình tăng trưởng vốn .....	5
1.3.	Định hướng phát triển (giai đoạn 2011~2015) .....	6
2.	BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	7
2.1.	Kết quả hoạt động kinh doanh trong năm (lợi nhuận, tình hình tài chính).....	7
2.2.	Tình hình thực hiện so với kế hoạch .....	7
3.	BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC .....	8
3.1.	Báo cáo tình hình tài chính.....	8
3.1.1	Khả năng sinh lời, khả năng thanh toán.....	8
3.1.2	Phân tích các hệ số phù hợp trong khu vực kinh doanh.....	8
3.1.3	Phân tích những biến động, thay đổi lớn so với dự kiến và nguyên nhân.....	9
3.1.4	Giá trị sổ sách tại thời điểm báo cáo .....	10
3.2.	Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh .....	10
3.2.1	Phân tích tổng quan hoạt động công ty .....	10
3.3.	Kế hoạch phát triển trong tương lai.....	11
3.3.1	Kế hoạch phát triển năm 2011 .....	11
4.	BÁO CÁO TÀI CHÍNH ( xem chi tiết tại website công ty www.taya.com.vn ).....	11
5.	CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN: .....	15
5.1.	Ngành nghề hoạt động, địa chỉ Tổng Công ty và nhà máy sản xuất .....	19
5.2.	Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính.....	19
6.	TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ .....	19
6.1.	Cơ cấu tổ chức.....	19
6.2.	Lý lịch trích ngang của Hội đồng Quản trị,, Ban Tổng giám đốc, Ban Kiểm soát.....	21
6.3.	Thay đổi Tổng Giám Đốc trong năm: .....	22
6.4.	Số lượng Cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động .....	22
7.	QUẢN TRỊ CÔNG TY VÀ THÔNG TIN CỔ ĐÔNG .....	23
7.1.	Quản trị công ty.....	23
7.1.1	Hoạt động của Hội đồng quản trị .....	23
7.1.2	Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Tổng giám đốc:.....	23
7.1.3	Hoạt động của Ban kiểm soát: .....	23
7.1.4	Hoạt động giám sát của Ban kiểm soát đối với HĐQT:.....	24
7.1.5	Hoạt động giám sát của BKS đối với Ban Tổng giám đốc: .....	24
7.1.6	Thù lao thành viên Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát Công ty .....	24
7.1.7	Thu nhập khác của thành viên Hội đồng Quản trị, BKS và trong Công ty .....	24
7.1.8	Tỷ lệ sở hữu cổ phần và những thay đổi thành viên Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát.....	24
7.2.	Thông tin cổ đông .....	24

## 1. LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

### 1.1. Lịch sử hình thành

#### 1.1.1 Việc thành lập

- Công Ty Cổ Phần Dây và Cáp Điện Taya Việt Nam được thành lập theo Giấy phép đầu tư số 414/GP do Ủy ban Nhà nước về Hợp tác và Đầu tư Việt Nam (nay là Bộ Kế Hoạch và Đầu tư) cấp ngày 07/09/1992.
- Mã số đăng ký kinh doanh: 472033000584 do Ban quản lý các khu công nghiệp Đồng Nai cấp lần đầu ngày 11/07/2008, cấp lần hai thay đổi ngày 18/12/2008.
- Tên tiếng Anh: TAYA (VIET NAM) ELECTRIC WIRE AND CABLE JOINT STOCK COMPANY
- Tên giao dịch: TAYA VIỆT NAM
- Logo công ty:



Địa chỉ trụ sở chính công ty: số 1, đường 1 A, khu công nghiệp Biên Hòa II, Biên Hòa, Đồng Nai.

- Tel: 84-61-3836361~4 Fax: 84-61-3836388
- E-mail: [vndnstock@mail.taya.com.tw](mailto:vndnstock@mail.taya.com.tw) Website: [www.taya.com.vn](http://www.taya.com.vn)

Địa chỉ chi nhánh: km 35, quốc lộ 5A, xã Cẩm Điền, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

- Tel: 84-320-3775888~890 Fax: 84-320-3775896
- E-mail: [ct\\_chiu@mail.taya.com.tw](mailto:ct_chiu@mail.taya.com.tw) Website: [www.taya.com.vn](http://www.taya.com.vn)

#### 1.1.2 Chuyển đổi sở hữu thành Công ty cổ phần

Ngày 7/10/2005, Công ty chính thức chuyển sang hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần theo Giấy phép Đầu tư điều chỉnh số 414 CPH/GP do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp.

#### 1.1.3 Niêm yết:

Giấy phép niêm yết cổ phiếu số: 40/UBCK-GPNY do Ủy ban Chứng khoán nhà nước (SSC) cấp ngày 2/12/2005.

#### 1.1.4 Ngày giao dịch chính thức

- Ngày 15 tháng 02 năm 2006 cổ phiếu Taya Việt Nam chính thức giao dịch tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán TP.HCM.
  - + Loại cổ phần: cổ phiếu phổ thông.
  - + Ký hiệu cổ phiếu: TYA.

### 1.2. Quá trình phát triển

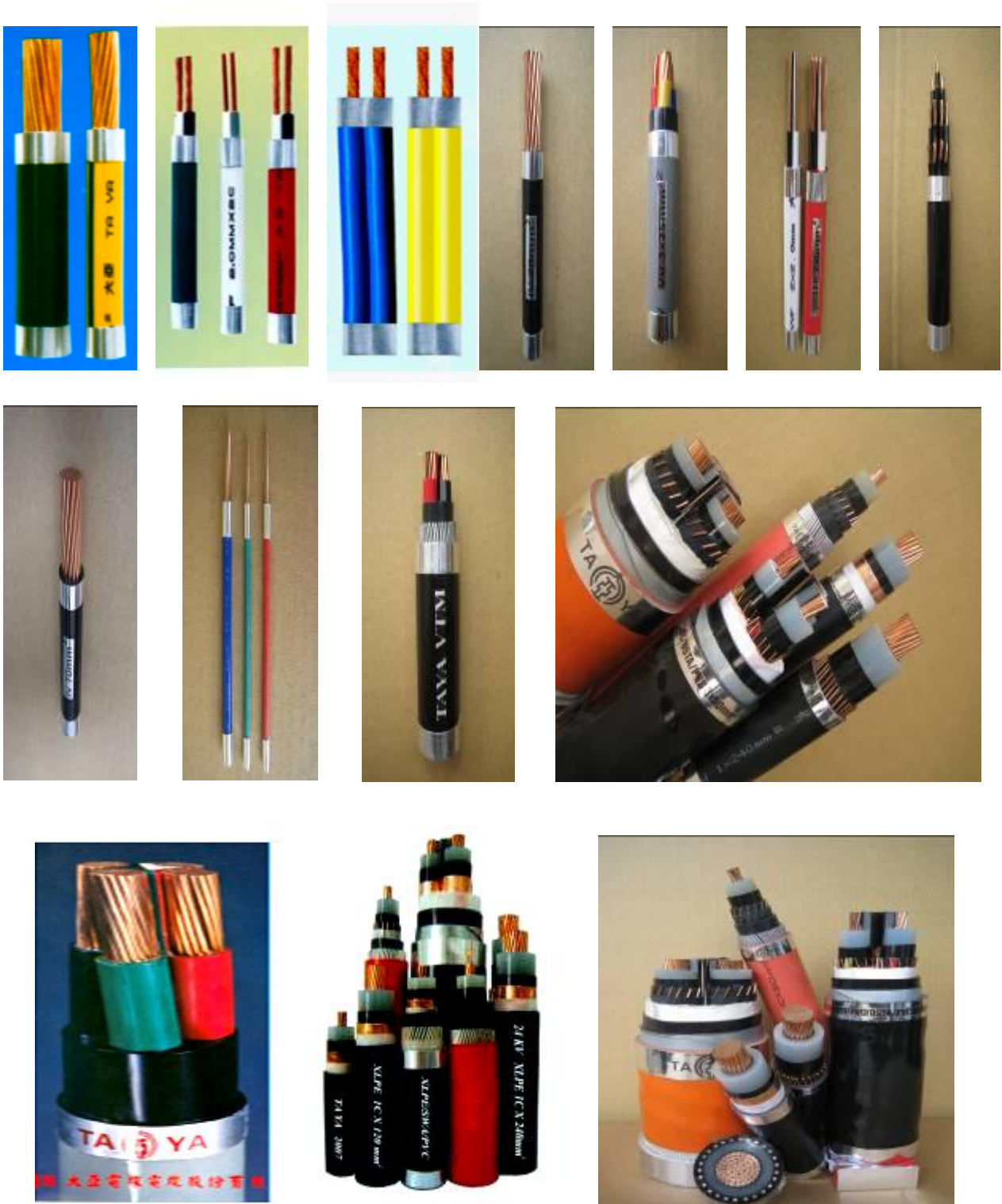
#### 1.2.1 Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất các loại dây và cáp điện trung thế 1-35KV, dây và cáp điện hạ thế 600-1000V, cáp điện lực XLPE 600V, cáp điện lực có giáp bằng sợi thép, băng nhôm, băng đồng, băng thép, dây cáp điện chống cháy, dây cáp điện ít khói, dây cáp điện không độc hại, dây đồng trần đơn và xoắn, cáp điều khiển, các loại dây mềm, dây điện dùng trong ô tô...

➤ Dây cáp điện chống cháy, chịu nhiệt



➤ Chủng loại sản phẩm dây cáp điện hạ thế từ 600V đến 1.000V





➤ Dây cáp điện trung áp từ 1KV ~ 35 KV



- Sản xuất các loại dây điện từ PEW (cấp chịu nhiệt 155°C), dây điện từ UEW (cấp chịu nhiệt 155°C), dây điện từ EAIW (cấp chịu nhiệt 200°C), dây điện từ SEIW (cấp chịu nhiệt 180°C), dây điện từ SPEIW (cấp chịu nhiệt 180°C)...



**PEW**  
**聚酯漆包銅線**  
 Dây điện từ Polyester  
 Polyester Enameled Wire  
 耐温等級 : 155°C  
 Cấp chịu nhiệt : 155°C  
 Thermal Rating: 155°C



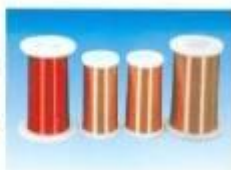
**PEW-NY**  
**尼龍外被聚酯漆包銅線**  
 Dây điện từ Polyester với lớp Polyamide phủ ngoài  
 Polyamide Overcoated Polyester Enameled Wire  
 耐温等級 : 155°C  
 Cấp chịu nhiệt: 155°C  
 Thermal Rating: 155°C



**UEW**  
**聚胺酯漆包銅線**  
 Dây điện từ Polyurethane  
 Polyurethane Enameled Wire  
 耐温等級 : 130°C/155°C/180°C  
 Cấp chịu nhiệt: 130°C/155°C/180°C  
 Thermal Rating: 130°C/155°C/180°C



**UEW+NY**  
**尼龍外被聚胺酯漆包銅線**  
 Dây điện từ Polyurethane có phủ Polyamide  
 Polyamide Over Polyurethane Enameled Wire  
 耐温等級 : 130°C/155°C  
 Cấp chịu nhiệt : 130°C/155°C  
 Thermal Rating: 130°C/155°C



**EAIW**  
**醃胺亞胺外被變性聚酯漆包銅線**  
 Dây điện từ Polyester-Imide được phủ Amide-Imide  
 Amide-Imide Overcoated Polyester-Imide Enameled Wire  
 耐温等級 : 200°C  
 Cấp chịu nhiệt: 200°C  
 Thermal Rating: 200°C



## SEIW

### 直焊變性聚亞胺漆包銅線

Dây điện tử Polyester-imide có tính tự hàn  
Solderable Polyester-imide Enameled Wire

耐温等級：180°C

Cấp chịu nhiệt: 180°C

Thermal Rating: 180°C



## EIW

### 聚酯亞胺漆包銅線

Dây điện tử Polyester-imide  
Polyester-imide Enameled Wire

耐温等級：180°C

Cấp chịu nhiệt: 180°C

Thermal Rating: 180°C



## PVF

### 聚乙烯甲醛漆包銅線

Dây điện tử Polyvinyl Formal  
Polyvinyl Formal Enameled Wire

耐温等級：105°C

Cấp chịu nhiệt: 105°C

Thermal Rating: 105°C



## 1.2.2 Tình hình hoạt động và quá trình tăng trưởng vốn

### - Tóm tắt tình hình hoạt động

- Năm 2001, Công ty đã hoàn thành đầu tư xưởng nung đúc nguyên liệu đồng đầu tiên (lò số 1, số 2) cho nhà máy.
- Năm 2002, hoàn thành đầu tư nhà xưởng hiện đại sản xuất sản phẩm dây điện tử và nhà xưởng nung đúc nguyên liệu đồng thứ hai (lò số 3, số 4).
- Năm 2003, đầu tư thành lập Chi nhánh sản xuất dây và cáp điện tại tỉnh Hải Dương, nhà máy này được hạch toán độc lập và đầu tư hoàn chỉnh từ khâu nung đúc nguyên liệu đồng đến khâu sản xuất ra các loại dây cáp điện, dây điện tử.
- Tháng 1/2005 Chi nhánh Hải Dương đã chính thức đi vào hoạt động.
- Năm 2005, hoàn thành đầu tư xây dựng nhà xưởng và hệ thống dây chuyền sản xuất dây cáp điện Trung cao áp và lò nung đồng số 5.
- Năm 2008, hoàn thành đầu tư mở rộng sản xuất dây cáp điện chịu nhiệt, chống cháy, ít khói không độc.

### - Tóm tắt quá trình phát triển vốn

#### Trước cổ phần hóa:


Stt	Số GPĐT	Ngày	Vốn pháp định (USD)	Vốn đầu tư (USD)	Mục đích đầu tư
1	414/GP	07/09/1992	3.955.000	6.955.000	
2	414/GPĐC1	31/10/1995	6.955.000	12.553.300	Đầu tư xây dựng nhà văn phòng và nhà xưởng sản xuất dây cáp điện.
3	414/GPĐC3	30/07/1997	8.955.000	14.533.000	Đầu tư xưởng nung đúc đồng nguyên liệu số 1, 2 và xưởng sản xuất dây điện tử
4	414/GPĐC	12/01/1998	8.955.000	14.944.240	
5	414/GPĐC1-BKH-KCN-ĐN	16/05/2003	13.114.072	21.444.240	Đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất dây cáp điện, dây điện tử tại Hải Dương
6	414/GPĐC3-BKH-KCN-ĐN	07/05/2004	14.226.023	21.444.240	

### Sau khi chuyển đổi thành công ty cổ phần:

Stt	GPĐT	Ngày cấp	Vốn điều lệ	Vốn đăng ký	Lý do tạm vốn ĐL
1.	414 CPH/GP	07/10/2005	182.676.270.000VND	21.444.240USD	
2.	414/CPH/GCNĐC1-BKH	25/10/2006	241.584.080.000VND	-	Chi trả cổ tức
3.	414/GCNĐC2/47/2	06/09/2008	265.735.480.000VND	-	Chi trả cổ tức
4.	472033000584	18/12/2008	279.013.770.000VND	-	Chi trả cổ tức

### 1.3. Định hướng phát triển (giai đoạn 2011~2015)

#### Mục tiêu chủ yếu

- Phát triển Taya Việt Nam trở thành nhà sản xuất dây và cáp điện hàng đầu tại Việt Nam, sản phẩm đạt chất lượng cao, đủ khả năng thay thế hàng nhập khẩu.
- Mở rộng thị trường nội địa, chiếm 20% thị phần sản xuất dây cáp điện trong nước.
- Tăng cường doanh thu xuất khẩu đạt trên 10%/năm.
- Phát triển thương hiệu Taya  lớn mạnh trên thị trường Việt Nam và khu vực.
- Tối đa hóa lợi nhuận và đảm bảo lợi ích cho các cổ đông.
- Cải thiện điều kiện làm việc, nâng cao thu nhập và đời sống của người lao động trong công ty.

Để đạt được mục tiêu trên công ty xây dựng chiến lược phát triển như sau:

#### Chiến lược phát triển

##### A. Phát triển thị trường:

1. Tăng cường phát triển thị trường nội địa sản phẩm ngôi sao cáp điện trung cao áp, cáp điện chịu nhiệt, chống cháy, cáp điện ít khói không độc.
2. Trực tiếp hoặc hợp tác đầu thầu các công trình.
3. Khai thác đối tác tiềm năng.
4. Mở rộng quan hệ hợp tác khách hàng.
5. Tăng cường xuất khẩu.

##### B. Phát triển sản phẩm chất lượng:

1. Khai thác sản phẩm chất lượng phụ hợp với giá thành cạnh tranh.
2. Ứng dụng công nghệ hiện đại của tập đoàn Taya, sản xuất các sản phẩm phù hợp với thị trường Việt Nam và xuất khẩu.

##### C. Phát triển nguồn nhân lực:

1. Đào tạo nâng cao tay nghề công nhân.
2. Thu hút thêm nhân sự có năng lực.
3. Tập huấn tại nước ngoài.
4. Đãi ngộ phù hợp với xu thế chung.

##### D. Đầu tư phù hợp:

Nhiều năm qua giá đồng thế giới dao động đã ảnh hưởng trực tiếp lên khả năng lợi nhuận của công ty. Giá đồng thường bị chi phối bởi cung cầu của thị trường thế giới và sự đầu cơ tích trữ của các định chế tài chính quốc tế. Nhằm khắc phục và giảm thiểu rủi ro đến mức thấp nhất, công ty có thể tham gia đầu tư kinh doanh nguyên liệu đồng kỳ hạn như một định chế tài chính trên thị trường LME với quy mô vừa và nhỏ, nhằm mục đích cung ứng nguyên liệu ổn định với giá cả đã được điều tiết một cách linh hoạt có lợi cho hoạt động kinh doanh sản xuất và sự nghiệp phát triển lâu dài của công ty.

## 2. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Năm 2010 doanh thu của Công ty đạt khoảng 1.095.502.538.000 đồng tăng 45,69% so với thực hiện năm 2009, lợi nhuận sau thuế khoảng 23 tỷ đồng bằng 2,1% doanh thu thuần. Kết quả tăng doanh thu làm giảm đáng kể chi phí hoạt động cơ bản cố định khiến lợi nhuận tăng trưởng, nhưng tiền đồng trượt giá 5,52% gây tổn thất chênh lệch tỷ giá hối đoái cho công ty trong năm 2010 hơn 43,8 tỷ đồng khoảng 3,99% doanh thu làm suy yếu năng lực tăng trưởng lợi nhuận của công ty.

Ngành sản xuất dây cáp điện là một ngành nghề chiếm một vị trí quan trọng trong sự phát triển của nền kinh tế quốc dân. Động lực chính để thúc đẩy ngành này liên tục tăng trưởng trong tương lai, chủ yếu phát sinh từ những nhu cầu rất lớn trong tiến trình công nghiệp hóa và đô thị hóa của đất nước. Sự thật cho thấy, chúng ta hoàn toàn tin tưởng và trông chờ vào sự tăng trưởng liên tục của thị trường Việt Nam những năm gần đây, một quốc gia có diện tích lớn gấp 6 lần và dân số đông hơn 3 lần so với Taiwan, đang ngày đêm không ngừng phát triển với tốc độ tăng trưởng GDP khoảng 6-7%/năm. Tuy nhiên, tình hình lạm phát cũng như chính sách cải cách tiền tệ của nhà nước cần được cân nhắc kỹ lưỡng, nếu chỉ chú trọng theo đuổi tăng trưởng cao về GDP cứ cho đồng tiền trượt giá, sẽ khiến lòng dân mất niềm tin đối với VNĐ, năng lực sản xuất trong nước suy yếu và làm giảm ý muốn đầu tư nước ngoài vào Việt Nam, gây bất lợi đến môi trường phát triển kinh tế xã hội trong tương lai.

Kỳ vọng chính sách hỗ trợ cho các ngành sản xuất nói chung và ngành dây cáp điện nói riêng với mục đích chung là góp phần thúc đẩy kinh tế phát triển và doanh nghiệp được tồn tại tạo công ăn việc làm cho người lao động, xã hội ấm no và hạnh phúc. Năm 2011, Hội đồng quản trị sẽ trình Đại hội cổ đông thông qua việc đăng ký thêm những hạng mục kinh doanh xuất khẩu tìm nguồn cung ngoại hối cho công ty, giảm rủi ro tổn thất chênh lệch tỷ giá hối đoái một khi nhà nước lại bất ngờ thông báo giảm giá tiền đồng.

### 2.1. Kết quả hoạt động kinh doanh trong năm (lợi nhuận, tình hình tài chính)

Chỉ tiêu	2010	2009
<b>Kết quả kinh doanh</b>		
Doanh thu thuần (Triệu)	1.095.503	751.930
Lợi nhuận gộp (Triệu)	107.411	89.446
Lợi nhuận từ HĐSXKD (Triệu)	16.655	(5.181) (điều chỉnh lại)
Lợi nhuận sau thuế (Triệu)	23.025	(8.800) (điều chỉnh lại)
<b>Bảng cân đối kế toán</b>		
Vốn chủ sở hữu (Triệu)	212.780	189.754
Tổng tài sản (Triệu)	785.069	611.203
Tổng nợ phải trả (Triệu)	572.290	421.448
Tài sản thuần (Triệu)	212.780	189.754
<b>Chỉ số tài chính</b>		
ROE (%)	11,44	-4,53

### 2.2. Tình hình thực hiện so với kế hoạch

CHỈ TIÊU	Kế hoạch 2010	Thực hiện 2010	Tăng/ giảm Kim ngạch	tăng giảm so với KH (%)
Vốn điều lệ (triệu đồng)	279.013	279.013	-	-
Doanh thu (Triệu đồng)	1.030.316	1.095.503	65.187	6,33



Lợi nhuận trước thuế (triệu đồng)	23.518	22.686	-832	-3,54
Lợi nhuận sau thuế (triệu đồng)	20.697	23.025	2.328	11,25
LN sau thuế/ Doanh thu (%)	2,01	2,10	0,09	4,48
LN sau thuế/Vốn điều lệ (%)	7,42	8,25	0,83	11,19
Cổ tức (đồng/cổ phần)	-	*	-	-

\* Dự kiến không chia cổ tức năm 2010.

- Doanh thu năm 2010 đạt 1.095.503 triệu đồng, tăng 6,33% so với kế hoạch nhưng tăng 45,69% so với thực hiện năm 2009. Lợi nhuận sau thuế 2010 đạt khoảng 23 tỷ đồng tuy không nhiều nhưng đã đạt được chỉ tiêu Hội đồng quản trị đề ra.
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/doanh thu và lợi nhuận sau thuế/vốn điều lệ cũng nằm trong mục tiêu công ty đề ra.

### 3. BÁO CÁO TỔNG GIÁM ĐỐC

#### 3.1. Báo cáo tình hình tài chính

##### 3.1.1 Khả năng sinh lời, khả năng thanh toán

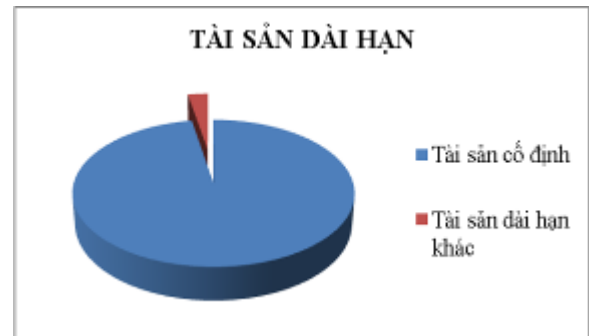
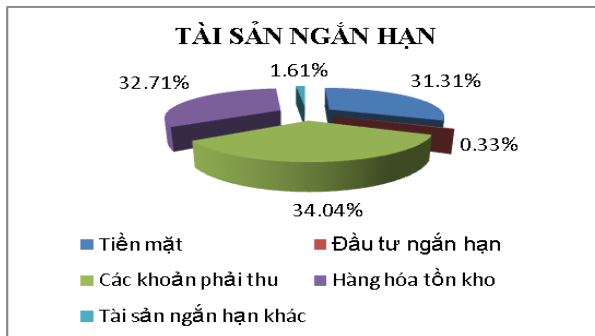
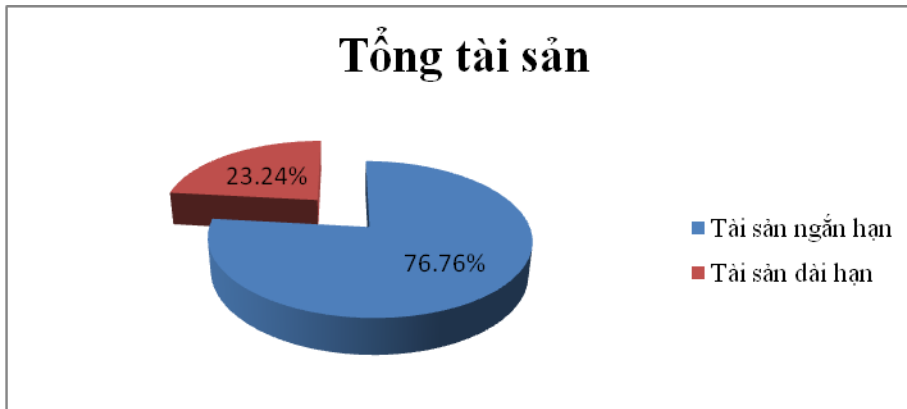
CHỈ TIÊU	Đvt	Năm 2010	Năm 2009
<b>1. Bộ trí cơ cấu tài sản và vốn</b>			
1.1 Bộ trí cơ cấu tài sản			
- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	23,24	33,71
- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	76,76	66,29
1.2. Bộ trí cơ cấu vốn			
- Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn	%	72,90	68,95
- Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	27,10	31,05
<b>2. Tỷ suất thanh toán</b>			
2.1. Tỷ suất thanh toán ngắn hạn (Liquidity Ratio)	%	105,36	97,49
2.2. Tỷ suất thanh toán nhanh(Quick Ratio)	%	70,90	55,06
<b>3. Tỷ suất lợi nhuận</b>			
3.1 Tỷ suất Lợi nhuận trên doanh thu			
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/doanh thu	%	2,07	-0,15
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/doanh thu	%	2,10	-1,17
3.2 Tỷ suất Lợi nhuận trên Tổng tài sản			
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/tổng tài sản	%	2,89	-0,19
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/trên tổng tài sản	%	2,93	-1,44
3.3. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/nguồn vốn chủ sở hữu	%	10,82	-4,64

##### 3.1.2 Phân tích các hệ số phù hợp trong khu vực kinh doanh

- Nợ ngắn hạn khoảng 571 tỷ đồng bằng 72,85% tổng nguồn vốn (khoảng 785 tỷ) của công ty. Trong đó vay ngắn hạn khoảng 357 tỷ đồng chiếm tỷ lệ nợ ngắn hạn khoảng 61,48% hầu hết được

các ngân hàng thương mại nước ngoài cho vay tín dụng do chủ tịch Shen Shang Pang đứng ra bảo đảm. Khoản vay này chủ yếu dùng để thanh toán nguyên liệu đồng nhập khẩu từ nước ngoài.

Nợ ngắn hạn cao sẽ ảnh hưởng đến giá trị của Doanh nghiệp và có những rủi ro nhất định, nhưng đối với một Doanh nghiệp sản xuất ổn định như Taya Việt Nam, phần lớn của nợ ngắn hạn đều có tính chiếm dụng luân chuyển và tính ổn định nhất định, ví như một khoản tiền vốn chiếm dụng dùng để tích trữ nguyên vật liệu sản xuất, bán thành phẩm và sản phẩm mà Doanh nghiệp liên tục luân chuyển sử dụng. Nợ ngắn hạn phải đồng thời với việc đánh giá đúng năng lực thanh toán của mình mới có thể tránh khỏi những rủi ro cho Doanh nghiệp.



- Tỷ suất thanh toán ngắn hạn năm 2010 là 105,36% cao hơn 97,49% của năm 2009, phản ánh năng lực huy động vốn lưu động để thanh toán nợ ngắn hạn của công ty năm 2010 tốt hơn năm 2009, tức vốn ngắn hạn của công ty dồi dào không xảy ra nguy cơ về tín dụng.
- Tỷ suất thanh toán nhanh năm 2010 là 70,90% cao hơn 55,06% của năm 2009, chủ yếu do tiền và các khoản tương đương tiền gia tăng rõ rệt, phản ánh tình trạng năng lực thanh toán nhanh của công ty ngày càng cải thiện đáng kể.
- Tỷ suất lợi nhuận từ con số âm năm 2009 đã được chuyển sang số dương trong năm 2010 phản ánh kết quả kinh doanh có nhiều khả quan hơn.

### 3.1.3 Phân tích những biến động, thay đổi lớn so với dự kiến và nguyên nhân

Trong năm 2010, doanh thu tăng 6,33% so với kế hoạch, tăng 45,69% so với thực hiện năm 2009, lợi nhuận sau thuế khoảng 23 tỷ đồng tuy thấp nhưng vẫn nằm trong phạm vi lợi nhuận dự tính của công ty là do những nguyên nhân sau:

- Quý 4/2010 giá đồng nguyên liệu tăng mạnh khiến giá bán sản phẩm tăng theo làm tăng doanh thu bán hàng, các loại chi phí cơ bản cố định vì vậy đã được giảm thấp rất nhiều và kết quả kinh doanh có lãi.
- Thị trường tiền tệ chưa được ổn định bền vững, cả năm 2010 đồng tiền Việt Nam trượt giá trung bình ở mức 5,2% (tính từ ngày 1/1/2010~31/12/2010) khiến công ty tổn thất chênh lệch tỷ giá hối đoái khoảng 43,8 tỷ đồng, nếu không bị tổn thất chênh lệch tỷ giá hối đoái lợi nhuận của công ty sẽ vào khoảng 65 tỷ đồng.
- Dự báo những năm tiếp theo, kinh tế thế giới sẽ dần phục hồi và ổn định phát triển, nhưng tình hình lạm phát và chính sách tiền tệ tại Việt Nam vẫn là mối lo ngại rất lớn có thể gây ảnh hưởng đến tình hình hoạt động sản xuất của công ty.

### 3.1.4 Giá trị sổ sách tại thời điểm báo cáo

Chỉ tiêu	2010	2009	2008
Giá trị sổ sách (đồng/cp)	7.626	6.800	7.116

## 3.2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Đơn vị tính: (nghìn đồng)

CHỈ TIÊU	2010	2009	Tăng/Giảm	% Tăng/giảm
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>1.096.841.476</b>	<b>753.734.877</b>	<b>343.106.599</b>	<b>45,52</b>
2. Các khoản giảm trừ	1.338.938	1.804.650	-465.712	-25,81
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-03)</b>	<b>1.095.502.538</b>	<b>751.930.227</b>	<b>343.572.311</b>	<b>45,69</b>
4. Giá vốn hàng bán	988.091.708	662.484.714	325.606.994	49,15
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>107.410.830</b>	<b>89.445.513</b>	<b>17.965.317</b>	<b>20,09</b>
<b>6. Doanh thu hoạt động tài chính</b>	<b>9.568.420</b>	<b>13.198.179</b>	<b>-3.629.759</b>	<b>-27,50</b>
<b>7. Chi phí tài chính</b>	<b>59.066.606</b>	<b>68.982.495</b>	<b>-9.915.889</b>	<b>-14,37</b>
- Trong đó: Chi phí lãi vay	15.249.607	17.305.563	-2.055.956	-11,88
Lỗ từ chênh lệch tỷ giá	43.816.999	51.676.932	-7.859.933	-15,21
<b>8. Chi phí bán hàng</b>	<b>18.367.740</b>	<b>17.592.249</b>	<b>775.491</b>	<b>4,41</b>
<b>9. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>22.890.313</b>	<b>21.249.669</b>	<b>1.640.644</b>	<b>7,72</b>
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>16.654.591</b>	<b>(5.180.721)</b>	<b>21.835.312</b>	<b>-</b>
<b>11. Thu nhập khác</b>	<b>6.032.470</b>	<b>4.837.916</b>	<b>1.194.554</b>	<b>24,69</b>
<b>12. Chi phí khác</b>	<b>787</b>	<b>817.939</b>	<b>-817.152</b>	<b>-</b>
<b>13. Lợi nhuận từ hoạt động khác</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>14. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>22.686.274</b>	<b>(1.160.744)</b>	<b>23.847.018</b>	<b>-</b>
15. Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-
16. Thu nhập(chi phí)thuế thu nhập hoãn lại	338.881	(7.640.186)	7.979.067	-
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>23.025.155</b>	<b>(8.800.930)</b>	<b>31.826.085</b>	<b>-</b>
18. Lãi lỗ cơ bản trên cổ phiếu	0,826	(0,316)	1.142	-

### 3.2.1 Phân tích tổng quan hoạt động công ty

So sánh kết quả kinh doanh năm 2010 và năm 2009 của Công ty có nhiều thay đổi đáng kể:

Giá đồng LME bình quân tăng 46,31%

Nội dung	Năm 2010	Năm 2009	Tăng/giảm
----------	----------	----------	-----------

			<b>USD/T</b>
Giá đồng bình quân	7.534,78USD/T	5.149,74USD/T	2.385,04

- **Doanh thu:** So với năm 2009 giá đồng LME bình quân năm 2010 tăng 46,31% và doanh thu năm 2010 cũng tăng mạnh lên 45,69%.
- **Chi phí bán hàng/doanh thu:** Chi phí này năm 2010 ở mức 1,7% thấp hơn mức 2,3% của năm 2009 phản ánh hiệu quả trong việc quản lý chi phí bán hàng của công ty.
- **Chi phí quản lý/doanh thu:** Chi phí này năm 2010 ở mức 2%, năm 2009 là 2,8% phản ánh hiệu quả trong việc cắt giảm chi phí quản lý của công ty.
- **Chi phí tài chính:** Chi phí tài chính năm 2010 khoảng 59 tỷ đồng trong đó tổn thất chênh lệch tỷ giá chiếm 74,2% khoảng 43,8 tỷ đồng. Trong năm 2009 chi phí này cao hơn khoảng 68,9 tỷ đồng, chênh lệch tỷ giá chiếm 74,9% khoảng 51,6 tỷ đồng. Hiện tượng này cho thấy chi phí tài chính đã được cải thiện và chênh lệch tỷ giá còn cao nhưng thấp hơn năm 2009.
- Nhằm khắc phục vấn đề tổn thất tỷ giá hối đoái và tăng nguồn cung thu nhập ngoại tệ, trong điều kiện có thể Công ty sẽ bổ sung vốn lưu động, hạn chế việc vay vốn từ ngân hàng và đăng ký bổ sung hạng mục kinh doanh xuất khẩu.

### 3.3. Kế hoạch phát triển trong tương lai

#### 3.3.1 Kế hoạch phát triển năm 2011

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty năm 2010 thu lãi khoảng 23 tỷ đồng lợi nhuận tuy không nhiều nhưng hoàn toàn nằm trong dự tính của công ty. Tình hình biến động tỷ giá hối đoái vẫn đang là một bài toán khó giải ảnh hưởng trực tiếp đến lợi nhuận của công ty. Quý 1 năm 2011 tăng trưởng GDP của Việt Nam ở mức 5,4% nhưng chỉ số CPI cuối năm 2010 là khá cao ở mức 12,79% tiềm ẩn rủi ro bất ổn về phát triển kinh tế, hơn nữa, động thái chính sách cho tiền đồng trượt giá mạnh vào giữa quý1/2011 sẽ tiếp tục gây khó khăn cho hoạt động kinh doanh sản xuất của công ty. Vì vậy, công ty dự tính kế hoạch phát triển kinh doanh năm 2010 như sau :

Đvt: (Nghìn đồng)

CHỈ TIÊU	2010
Doanh thu thuần	1.271.156.000
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	145.826.867
Lợi nhuận trước thuế	29.440.571
Chi phí thuế TNDN	3.684.343
Lợi nhuận sau thuế	25,756,228

- \* Các số liệu trình bày trên đây là dựa trên cơ sở dự tính giá đồng bình quân trong năm ở mức 7.500USD/T và tỷ giá ổn định ở mức 20.000VND/USD. Nếu giá đồng và tỷ giá hối đoái biến động lớn công ty sẽ điều chỉnh lại các chỉ tiêu trên.

## 4. BÁO CÁO TÀI CHÍNH ( xem chi tiết tại website công ty [www.taya.com.vn](http://www.taya.com.vn) )



**KPMG Limited**  
10<sup>th</sup> Floor, Sun Wah Tower  
115 Nguyen Hue Street  
District 1, Ho Chi Minh City  
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone +84 (8) 3821 9266  
Fax +84 (8) 3821 9267  
Internet www.kpmg.com.vn

## BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN ĐỘC LẬP

**Kính gửi các Cổ đông  
Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)**

### Phạm vi kiểm toán

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán đính kèm của Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam) (“Công ty”) tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu và báo cáo lưu chuyển tiền tệ liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo đã được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 21 tháng 3 năm 2011. Các báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để có được sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thuyết minh trên các báo cáo tài chính. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và các ước tính trọng yếu của Ban Giám đốc, cũng như đánh giá tổng quan việc trình bày các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

### Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, các báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam) tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các yêu cầu pháp lý liên quan.

**Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam**

Giấy Chứng nhận Đầu tư số: 011043000345  
Báo cáo Kiểm toán số: 10-01-215



Nguyễn Thanh Nghị  
Chứng chỉ kiểm toán viên số 0304/KTV  
Phó Tổng Giám đốc

Chang Hung Chun  
Chứng chỉ kiểm toán viên số N0863/KTV

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 3 năm 2011



**Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)**  
**Bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2010**

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010 VND'000	31/12/2009 VND'000 (Điều chỉnh lại)
<b>TÀI SẢN</b>				
Tài sản ngắn hạn	100		602.613.063	405.156.004
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	3	188.699.722	123.482.055
Đầu tư ngắn hạn	120		2.000.000	-
Các khoản phải thu	130		205.107.572	103.055.334
Phải thu thương mại	131		205.034.587	102.279.929
Trả trước cho người bán	132		393.459	1.304.546
Phải thu khác	135		578.396	363.229
Dự phòng phải thu khó đòi	139	4	(898.870)	(892.370)
Hàng tồn kho	140	5	197.092.605	176.332.932
Hàng tồn kho	141		201.837.025	180.909.706
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(4.744.420)	(4.576.774)
Tài sản ngắn hạn khác	150		9.713.164	2.285.683
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		729.868	953.519
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		6.865.964	118.355
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	154		1.598.632	1.162.975
Tài sản ngắn hạn khác	158		518.700	50.834
Tài sản dài hạn	200		182.456.300	206.046.856
Tài sản cố định	220		177.376.866	201.243.361
Tài sản cố định hữu hình	221	6	177.341.579	201.243.361
Nguyên giá	222		427.684.519	422.931.033
Khấu hao lũy kế	223		(250.342.940)	(221.687.672)
Xây dựng cơ bản dở dang	230	7	35.287	-
Đầu tư dài hạn	250		-	42.400
Đầu tư dài hạn khác	258		-	42.400
Tài sản dài hạn khác	260		5.079.434	4.761.095
Chi phí trả trước dài hạn	261	8	3.031.797	3.052.339
Tài sản thuế hoãn lại	262	9	2.047.637	1.708.756
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>785.069.363</b>	<b>611.202.860</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này

**Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)**  
**Bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)**

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010 VND'000	31/12/2009 VND'000 (Điều chỉnh lại)
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>				
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>571.960.483</b>	<b>415.566.978</b>
Vay ngắn hạn	311	10	357.304.741	359.724.571
Phải trả thương mại	312	11	167.877.879	40.989.311
Người mua trả tiền trước	313		31.863.615	4.950.592
Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước	314	12	8.459.378	4.017.544
Phải trả công nhân viên	315		4.520.046	4.339.566
Chi phí phải trả	316		1.649.756	1.401.501
Phải trả khác	319		285.068	143.893
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>329.340</b>	<b>5.881.497</b>
Vay dài hạn	334	13	-	5.470.891
Dự phòng trợ cấp thôi việc	336	14	329.340	410.606
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>				
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>212.779.540</b>	<b>189.754.385</b>
Vốn cổ phần	411	15	279.013.771	279.013.771
Cổ phiếu ngân quỹ	414	15	(272.840)	(272.840)
Quỹ và dự trữ	417	16	21.553.612	21.141.803
Lỗi lũy kế	420		(87.515.003)	(110.128.349)
<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>				
	<b>440</b>		<b>785.069.363</b>	<b>611.202.860</b>

Người lập:



Hung Chung Ming  
Kế toán trưởng



Người duyệt:

Wang Ting Shu  
Tổng Giám đốc

Ngày 21 tháng 3 năm 2011

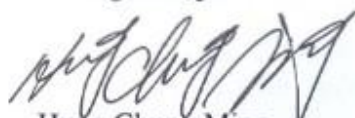
Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này

**Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)**

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010**

	Mã số	Thuyết minh	2010 VND'000	2009 VND'000 (Điều chỉnh lại)
Tổng doanh thu	01	17	1.096.841.476	753.734.877
Các khoản giảm trừ	02		(1.338.938)	(1.804.650)
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>10</b>		<b>1.095.502.538</b>	<b>751.930.227</b>
Giá vốn hàng bán	11	18	(988.091.708)	(662.484.714)
<b>Lợi nhuận gộp</b>	<b>20</b>		<b>107.410.830</b>	<b>89.445.513</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	19	9.568.420	13.198.179
Chi phí hoạt động tài chính	22	20	(59.066.606)	(68.982.495)
Chi phí bán hàng	24		(18.367.740)	(17.592.249)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		(22.890.313)	(21.249.669)
<b>Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>16.654.591</b>	<b>(5.180.721)</b>
<b>Kết quả của các hoạt động khác</b>	<b>40</b>			
Thu nhập khác	31	21	6.032.470	4.837.916
Chi phí khác	32		(787)	(817.939)
<b>Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>22.686.274</b>	<b>(1.160.744)</b>
Chi phí thuế thu nhập hiện hành	51	22	-	-
<b>Lợi ích/(chi phí) thuế thu nhập hoãn lại</b>	<b>52</b>	<b>22</b>	<b>338.881</b>	<b>(7.640.186)</b>
<b>Lợi nhuận/(lỗ) thuần</b>	<b>60</b>		<b>23.025.155</b>	<b>(8.800.930)</b>
Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	70	23	0.826	(0.316)

Người lập:

  
Hung Chung Ming  
Kế toán trưởng

Người duyệt:

  
Wang Ting Shu  
Tổng Giám đốc

Ngày 21 tháng 3 năm 2011

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này



**Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)**

**Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010**

	Vốn cổ phần VND'000	Cổ phiếu ngân quỹ VND'000	Chênh lệch tỷ giá VND'000	Quỹ và dự trữ VND'000	Lỗ lũy kế VND'000	Tổng VND'000
<b>Số dư ngày 1 tháng 1 năm 2009</b>	279.013.771	(272.840)	-	21.141.803	(101.327.419)	198.555.315
<i>Chênh lệch tỷ giá – đã trình bày trước đây</i>	-	-	(11.546.306)	-	-	(11.546.306)
<i>Lợi nhuận thuần trong năm – đã trình bày trước đây</i>	-	-	-	-	2.745.376	2.745.376
<i>Ảnh hưởng của thay đổi chính sách kế toán (Thuyết minh 28)</i>	-	-	11.546.306	-	(11.546.306)	-
<i>Lỗ thuần trong năm – điều chỉnh lại</i>	-	-	-	-	(8.800.930)	2.745.376
<b>Số dư ngày 1 tháng 1 năm 2010 – điều chỉnh lại</b>	279.013.771	(272.840)	-	21.141.803	(110.128.349)	189.754.385
<i>Phân bổ vào các quỹ</i>	-	-	-	411.809	(411.809)	-
<i>Lợi nhuận thuần trong năm</i>	-	-	-	-	23.025.155	23.025.155
<b>Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2010</b>	279.013.771	(272.840)	-	21.553.612	(87.515.003)	212.779.540

Người lập:

  
Hung Chung Ming  
Kế toán trưởng

Người duyệt:

  
Wang Ting Shu  
Tổng Giám đốc

Ngày 21 tháng 3 năm 2011

**Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)**

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010**

	Mã số	Thuyết minh	2010 VND'000	2009 VND'000
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế	01		22.686.274	(1.160.744)
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		29.859.780	34.390.036
Dự phòng	03		2.407.222	4.779.023
Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	04		2.405.654	12.689.289
Lãi thanh lý tài sản cố định	05		(16.631)	-
Chi phí lãi vay	06		15.249.607	17.305.563
Thu lãi tiền gửi	07		(9.242.178)	(4.075.240)
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>63.349.728</b>	<b>63.927.927</b>
Biến động các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09		(109.050.562)	9.922.426
Biến động hàng tồn kho	10		(23.160.395)	55.831.702
Biến động các khoản phải trả và nợ khác	11		158.599.202	22.871.500
			<b>89.737.973</b>	<b>152.553.555</b>
Lãi vay đã trả	13		(15.125.048)	(17.616.495)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(435.657)	(891.157)
<b>Tiền thuần thu từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>74.177.268</b>	<b>134.045.903</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
Tiền chi mua tài sản cố định	21		(5.972.743)	(3.341.686)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		16.631	-
Đầu tư ngắn hạn	25		(1.957.600)	30.720.000
Thu lãi tiền gửi	27		9.242.178	2.796.428
<b>Tiền thuần thu từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>1.328.466</b>	<b>30.174.742</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này*



**Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)**

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)**

	Mã số	Thuyết minh	2010 VND'000	2009 VND'000
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
Thu từ các khoản vay	33		585.959.810	552.588.266
Hoàn trả các khoản vay	34		(596.247.877)	(628.439.955)
<b>Tiền thuần chi cho hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(10.288.067)</b>	<b>(75.851.689)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>65.217.667</b>	<b>88.368.956</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>		<b>123.482.055</b>	<b>35.113.099</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>3</b>	<b>188.699.722</b>	<b>123.482.055</b>

Người lập:



Hung Chung Ming  
Kế toán trưởng



Người duyệt:



Wang Ting Shu  
Tổng Giám đốc

Ngày 21 tháng 3 năm 2011

## 5. CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN:

**Taya Electric Wire & Cable Co Ltd Sở hữu 60% cổ phần của công ty**

### 5.1. Ngành nghề hoạt động, địa chỉ Công ty và nhà máy sản xuất

**Ngành nghề hoạt động:** sản xuất cáp điện, dây điện thoại các loại, dây đồng trần, dây điện từ.

#### **Địa chỉ Công ty và nhà máy sản xuất**

- **Trụ sở chính** Số 249 - Đường Trung Sơn, Đoạn II, Thôn Quan Miếu  
Xã Quan Miếu, Huyện Đài Nam, Đài Loan,  
Điện thoại: (886) 5953 131
- **Nhà máy** Số 15 - Đường Nam Hưng, Thôn Nam Loan, Tp. Vĩnh Khang,  
Huyện Đài Nam, Đài Loan  
Điện thoại: (886-6) 2372 6131
- **Chi nhánh Đài Bắc** Số 149 - Đường Ngũ Công, Khu Công nghiệp Ngũ Cổ,  
Thôn Ngũ Cổ, Huyện Đài Bắc, Đài Loan  
Điện thoại: (886-2) 2299 7070
- **Chi nhánh Đài Trung** Số 2 - Đường 33, Khu Công nghiệp Đài Trung, Đài Loan  
Điện thoại: (886-2) 2350 1010

### 5.2. Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính

- Năm 1955: Thành lập nhà máy Thực Nghiệp TAYA, vốn pháp nhân NTD 200.000, diện tích khoảng 990 m<sup>2</sup>, chuyên sản xuất kinh doanh dây cáp điện bọc cao su, dây cáp điện ngoài trời, dây điện bọc lớp bố, dây điện xe hơi;
- Năm 1958-1962: nghiên cứu sản xuất dây bọc nhựa PVC, dây điện công trình, dây điện xe hơi bọc nhựa, 2 lần tăng vốn lên NTD 600.000 và NTD 2.000.000, đổi tên Công ty Thực Nghiệp Cổ phần Hữu hạn TAYA.
- Năm 1967: Dời nhà xưởng vào Khu Công nghiệp Cán Tre, tăng vốn lên NTD 5.000.000, đổi tên thành Công ty CPHH Dây và Cáp điện TAYA.
- Năm 1968-1987: sau 9 lần tăng vốn và phát triển mở rộng sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm, đến thời điểm năm 1987 số vốn là NTD 300.660.000, mua thêm mặt bằng tại Huyện Đài Nam xây dựng nhà xưởng, Tổng Công ty dời về Quan Miếu, Huyện Đài Nam, chính thức đưa dây cáp điện siêu cao áp đi vào hoạt động.
- Năm 1988: hợp nhất Công ty CPHH Dây Cáp điện Đại Hằng và tăng vốn lên NTD 750.000.000, mở rộng thiết bị chế tạo sản phẩm dây cáp điện lực siêu cao áp. Tháng 10, Ủy Ban Chứng khoán thuộc Bộ Tài chính Đài Loan chấp thuận Công ty đăng ký niêm yết cổ phiếu. Tháng 12/1988, Cổ phiếu của Công ty chính thức lên sàn giao dịch.
- Năm 1989-2000: tăng vốn 9 lần và không ngừng mở rộng phát triển sản xuất. Đến năm 2000, số vốn đã lên đến NTD 5.572.260.000, hợp danh với Công ty Công nghiệp điện Cổ Hà (Nhật Bản) thành lập Công ty CPHH Tư vấn Công trình Đại Hà và đầu tư vào Công ty CPHH Đầu tư Sáng nghiệp TAYA, sản phẩm dây điện từ được cấp giấy chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng QS-9000.
- Năm 2001-2003: thay đổi chiến lược hoạt động, giảm vốn xuống còn NTD 5.425.770.000.
- Năm 2004-2008: không ngừng phát triển.
- Năm 2009: là Công ty đầu tiên được Công ty Điện lực Đài Loan công nhận có năng lực sản xuất cáp điện siêu cao áp 345KV. Vốn Điều lệ là NTD 5.716.150.380.

## 6. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

### 6.1. Cơ cấu tổ chức

- **Trụ sở chính và Nhà máy Đồng Nai:** Nơi đặt nhà máy sản xuất của Công ty tại phía Nam, có văn phòng làm việc của Tổng Giám Đốc và Các Ban chuyên trách gồm: Ban Hành chính quản trị, Ban Kinh doanh tiếp thị, Ban Xưởng vụ.

Địa chỉ: Số 1, đường 1 A, Khu công nghiệp Biên Hòa II, Biên Hòa, Đồng Nai, Việt Nam.

Điện thoại: 061-3836 361-4

Fax: 061-3836 388

E-mail: [yndnstock@mail.taya.com.tw](mailto:yndnstock@mail.taya.com.tw)

Website: [www.taya.com.vn](http://www.taya.com.vn)

- **Chi nhánh Hải Dương:** Nơi đặt nhà máy sản xuất dây điện và cáp điện cung cấp cho thị trường từ các tỉnh phía Bắc đến Đà Nẵng. Chi nhánh Hải Dương có cơ cấu tổ chức bộ máy tương tự như tại Nhà máy ở Đồng Nai. Trụ sở chính và các ban chuyên trách của Chi nhánh đặt tại Nhà máy. Đứng đầu chi nhánh là Phó Tổng Giám Đốc Taya Việt Nam.

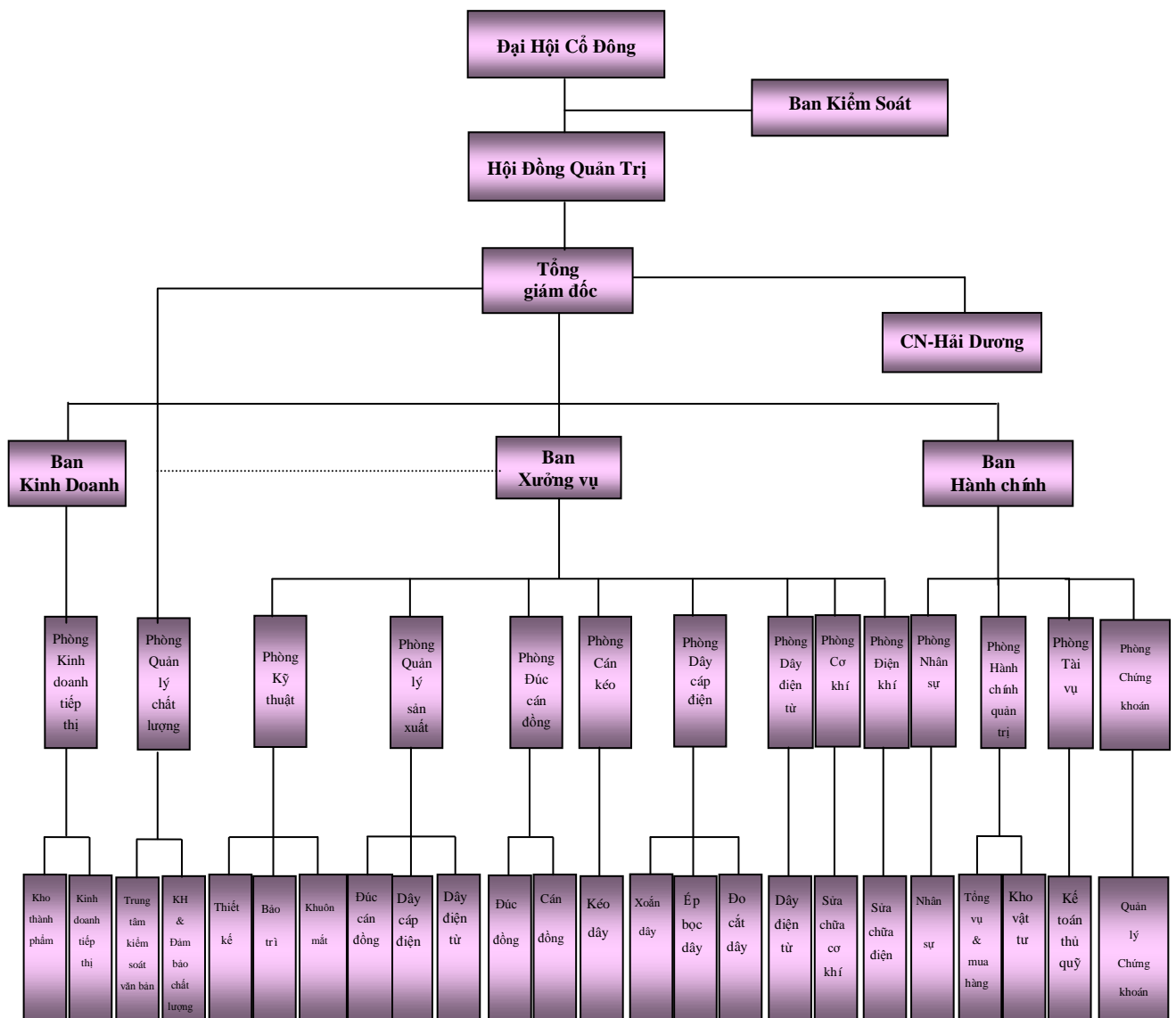
Địa chỉ: Km 35 QL 5 – Xã Cẩm Điền, Huyện Cẩm Giàng, Tỉnh Hải Dương.

Điện thoại: 0320 – 3775888 0320 – 3775890~892 Fax: 0320 – 3775 896

Email: [ctchiu@mail.taya.com.tw](mailto:ctchiu@mail.taya.com.tw)

Website: [www.taya.com.vn](http://www.taya.com.vn)

## SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CỦA CÔNG TY



- **Các ban chuyên trách:** Là những ban trực tiếp điều hành Công việc của nhà máy theo chức năng chuyên môn và nhận sự chỉ đạo của Tổng Giám đốc hoặc Phó Tổng Giám đốc (đối với chi nhánh Hải Dương). Cơ cấu tổ chức của Taya có được thiết lập bao gồm: Ban Hành chính quản trị, Ban kinh doanh tiếp thị, Ban Xưởng vụ. Chức năng nhiệm vụ của các Ban được quy định như sau:

**Ban Hành chính quản trị:** Có chức năng quản lý nhân sự, quản lý tài chính và quản lý tổng vụ. Thực hiện nhiệm vụ về kế toán và thủ quỹ, lương và các chính sách cho người lao động, xuất nhập khẩu và mua nguyên vật liệu, mua văn phòng phẩm và các thiết bị văn phòng, quản lý kho nguyên liệu...

**Ban kinh doanh tiếp thị:** Có chức năng trong việc xác định mục tiêu, phương hướng hoạt động tiếp thị. Thực hiện nhiệm vụ mở rộng thị trường, tìm kiếm đối tác, tham gia đấu thầu cung cấp sản phẩm, xây dựng giá bán và đưa ra giải pháp hỗ trợ, thúc đẩy bán hàng, quản lý kho thành phẩm, vận tải hàng hóa...

**Ban xưởng vụ:** Có chức năng trong việc điều động sản xuất và bảo đảm chất lượng sản phẩm. Thực hiện nhiệm vụ lập kế hoạch sản xuất, kế hoạch sử dụng nguyên liệu, thực hiện các việc kiểm tra chất lượng, bảo trì sửa chữa và vận hành các máy móc thiết bị.

## 6.2. Lý lịch trích ngang của Hội đồng Quản trị,, Ban Tổng giám đốc, Ban Kiểm soát

### Hội đồng Quản trị:

#### 1. Ông Shen Shang Pang

Chức vụ hiện tại: Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện TAYA Việt Nam. Phó chủ tịch HĐQT Taya Electric Wire & Cable Co., Ltd.

Ngày tháng năm sinh: 01/10/1953

Quốc tịch: Đài Loan (R.O.C) Dân tộc: Hán

Trình độ văn hóa: Đại học Côn Sơn, Đài Loan.

#### 2. Ông Shen Shang Tao

Chức vụ hiện tại: Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya Việt Nam. Phó Tổng giám đốc Taya Electric Wire & Cable Co., Ltd.

Ngày tháng năm sinh: 16/12/1960

Nơi sinh: Đài Nam, Đài Loan

Quốc tịch: Đài Loan (R.O.C) Dân tộc: Hán

Trình độ văn hóa: Đại học Nam California, Hoa Kỳ.

#### 3. Ông Shen Shang Hung

Chức vụ hiện tại: Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya Việt Nam, chủ tịch Hội đồng Quản trị Taya Electric Wire & Cable Co., Ltd.

Ngày tháng năm sinh: 16/11/1958

Nơi sinh: Đài Nam, Đài Loan

Quốc tịch: Đài Loan (R.O.C) Dân tộc: Hán

Trình độ văn hóa: Đại Học Đài Loan, MBA Đại Học Emory, Hoa Kỳ.

#### 4. Ông Shen San Yi

Chức vụ hiện tại: Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya Việt Nam, Tổng Giám Đốc Taya Electric Wire & Cable Co., Ltd.

Ngày tháng năm sinh: 09/3/1961

Nơi sinh: Đài Nam, Đài Loan

Quốc tịch: Đài Loan (R.O.C) Dân tộc: Hán

Trình độ văn hóa: Đại Học Côn Sơn, Đài Loan.

#### 5. Ông Wang Yen Huang

Chức vụ hiện tại: Thành viên Hội đồng Quản trị.

Ngày tháng năm sinh: 25/8/1952

Nơi sinh: Đài Nam

Quốc tịch: Đài Loan (R.O.C) Dân tộc: Hán

Trình độ văn hóa: MBA Đại học khoa học kỹ thuật Cao Hùng , Đài Loan..

**Ban Tổng giám đốc:**

**1. Ông Wang Ting Shu (Tổng giám đốc)**

Chức vụ hiện tại: Tổng Giám Đốc Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya Việt Nam.

Ngày tháng năm sinh: 03/12/1954

Nơi sinh: Đài Nam, Đài Loan.

Quốc tịch: Đài Loan (R.O.C) Dân tộc: Hán

Trình độ văn hóa: Đại học khoa học kỹ thuật Viễn Đông

**2. Ông Chiu Chin Teng**

Chức vụ hiện tại: Phó Tổng Giám Đốc CN-Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya Việt Nam.

Ngày tháng năm sinh: 1/11/1950

Nơi sinh: Đài Nam, Đài Loan.

Quốc tịch: Đài Loan (R.O.C) Dân tộc: Hán

Trình độ văn hóa: Cao Đẳng Thương Nghiệp Đài Nam. Đài Loan.

**Thành viên ban kiểm soát:**

**1. Ông Kuo Lao Fu**

Chức vụ hiện tại: Trưởng Ban Kiểm soát Công ty CP Dây và Cáp Điện TAYA Việt Nam, chủ nhiệm phòng Tổng Giám Đốc Taya Electric Wire & Cable Co., Ltd.

Ngày tháng năm sinh: 31/01/1945

Quê quán: Đài Nam, Đài Loan.

Quốc tịch: Đài Loan (R.O.C) Dân tộc: Hán

Trình độ văn hóa: Trung học Tân Phong, Đài loan.

**2. Ông Wang Wen Ruey**

Chức vụ hiện tại: Thành viên Ban Kiểm Soát Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya Việt Nam, Tổng Giám đốc Great China Electric Wire & Cable Co., Ltd.

Ngày tháng năm sinh: 31/8/1951

Nơi sinh: Đài Loan

Quốc tịch: Đài Loan (R.O.C) Dân tộc: Hán

Trình độ văn hóa: Đại Học Đông Ngô, Đài Loan.

**3. Ông Chiu Tsung Jen**

Chức vụ hiện tại: Thành viên Ban Kiểm soát Công ty CP Dây và Cáp Điện TAYA Việt Nam, Giám đốc Ban xây dựng Taya Electric Wire & Cable Co., Ltd, Tổng giám đốc Công ty CPHH xây dựng Taya Việt Nam.

Ngày tháng năm sinh: 30/09/1957

Nơi sinh: Đài Loan.

Quốc tịch: Đài Loan (R.O.C) Dân tộc: Hán

Trình độ văn hóa: MBA Đại học California Hoa Kỳ.

- Ông Wang Ting Shu là Tổng Giám Đốc trực tiếp tham gia điều hành Công ty.

**6.3. Thay đổi Tổng Giám Đốc trong năm:**

- Ông Wang Yen Huang thôi nhậm chức Tổng giám đốc cho đến ngày 01/09/2010.

- Ông Wang Ting Shu nhậm chức Tổng giám đốc kể từ ngày 01/09/2010.

**6.4. Số lượng Cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động**

Tổng số lao động của Taya Việt Nam ở Trụ sở chính Đồng Nai và Chi nhánh Hải Dương đến thời điểm 31/12/2010 là 442 người với 111 cán bộ quản lý. Lao động nước ngoài chiếm 2,7% tổng số lao động và chủ yếu giữ các vị trí quản lý. Trình độ văn hóa của lao động chiếm tỷ lệ như sau: trình độ đại học cao đẳng và trên đại học chiếm 18%, trung cấp chiếm 16% và trung học phổ thông trở xuống chiếm 66%.



### **Chính sách lương:**

Căn cứ trình độ chuyên môn áp dụng mức cao hơn mức lương qui định hiện hành của chính phủ. Khi kết thúc thời gian thử việc, qua đánh giá khả năng làm việc công nhân được nhận làm việc chính thức. Khi đó mức lương sẽ được tăng lên từ 7% - 10% tùy vị trí. Mỗi năm (thường là vào cuối năm) dựa vào kết quả đánh giá công ty điều chỉnh tăng lương cho nhân viên. Việc tính toán lương tăng ca, làm đêm theo quy định của Luật Lao động.

Ngoài tiền lương, người lao động tùy theo vị trí công việc mà được hưởng các khoản trợ cấp như trợ cấp làm đêm, trợ cấp chức vụ, trợ cấp chuyên cần, trợ cấp giao thông, trợ cấp khác...

### **Chính sách thưởng:**

Nhân viên trong Công ty làm việc trên 1 năm được thưởng tháng lương thứ 13 Hoặc từ 2 tháng lương bình thường trở lên tùy theo lợi nhuận hàng năm của Công ty.

Ngoài mức thưởng trên, nhân viên còn được hưởng các phúc lợi khác vào dịp lễ 30/4, 1/5, tặng quà vào dịp tết Trung thu, được công ty chi trả tiền đồng phục, tiền cơm trưa.

### **Hỗ trợ nhân viên lễ cưới, đau ốm, tai nạn lao động và tang lễ:**

Tiền mừng lễ cưới đối với nhân viên làm việc trên 1 năm là 800.000 đồng; làm việc dưới 1 năm là 500.000 đồng; 300.000 đồng đối với con cái nhân viên công ty. Ngoài ra, khi nhân viên bị đau ốm hoặc tai nạn lao động tiền thăm hỏi là 200.000 đồng còn tang lễ là 500.000 đồng.

### **Chính sách đào tạo nhân viên:**

Đào tạo chuyên môn: Đào tạo tại chức định kỳ và đào tạo tại nước ngoài.

## **7. QUẢN TRỊ CÔNG TY VÀ THÔNG TIN CỔ ĐÔNG**

### **7.1. Quản trị công ty**

#### **7.1.1 Hoạt động của Hội đồng quản trị**

Trong năm tài chính 2010 Hội đồng quản trị tổ chức nhiều cuộc họp với nội dung:

- Thảo luận và thông qua các báo cáo về kế hoạch sản xuất kinh doanh, báo cáo tài chính và kiểm toán.
- Thảo luận và thông qua kế hoạch vay vốn ngân hàng, nâng cao công nghệ sản xuất, thay đổi một số máy móc thiết bị sản xuất và kiểm tra chất lượng.
- Thảo luận và thông qua chiến lược kinh doanh linh động.
- Thông qua bổ nhiệm Tổng giám đốc mới.

#### **7.1.2 Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Tổng giám đốc:**

Hội đồng quản trị kiểm tra và giám sát Ban Tổng giám đốc những việc sau:

- Chấp hành nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội cổ đông.
- Chấp hành chiến lược kinh doanh công ty.
- Tuân thủ pháp luật.
- Tình hình thực thi chính sách lao động.
- Tình hình an toàn, vệ sinh lao động trong công ty.
- Tình hình mở rộng thị phần.

#### **7.1.3 Hoạt động của Ban kiểm soát:**

Trong năm 2010, Ban kiểm soát giám sát và tham dự các cuộc họp về:

- Tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị về kế hoạch và chiến lược kinh doanh công ty.
- Xem xét và thẩm định các báo cáo tài chính tự quyết hàng quý và năm.

- Kiểm tra nội bộ sổ sách kế toán và tình trạng tài chính của công ty.
- Xem xét báo cáo kiểm toán.

#### 7.1.4 Hoạt động giám sát của Ban kiểm soát đối với HĐQT:

Ban kiểm soát giám sát HĐQT về những việc sau:

- Tình hình tích trữ nguyên liệu.
- Quy trình nhập khẩu.
- Tuân thủ pháp luật.

#### 7.1.5 Hoạt động giám sát của BKS đối với Ban Tổng giám đốc:

Ban kiểm soát tập trung giám sát Ban Tổng giám đốc những việc dưới đây:

- Theo dõi quy trình thực hiện quản trị công ty và thực thi nghị quyết của Hội đồng quản trị.
- Tình hình tuân thủ quy định pháp luật.
- Theo dõi phương pháp làm việc cũng như quản trị công ty của ông Wang Ting Shu đã có chiến lược cải cách linh hoạt về phương pháp bán hàng giúp tăng doanh thu cho công ty kể từ ông nhậm chức Tổng giám đốc.

#### 7.1.6 Thù lao thành viên Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát Công ty

Không chi trả thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát cho năm 2010 vì kinh doanh thu lãi không nhiều. Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát cho năm 2011 giữ nguyên dự định là 3% lợi nhuận sau thuế sau khi trích lập các quỹ và được Đại hội cổ đông thông qua.

#### 7.1.7 Thu nhập khác của thành viên Hội đồng Quản trị, BKS và những người điều hành chủ chốt khác trong Công ty

- Ông Shen Shang Pang (chủ tịch HĐQT) : 5.000USD/tháng.
- Ông Shen Shang Tao (phó chủ tịch HĐQT) : 5.000USD/tháng.
- Ông Wang Ting Shu (Tổng giám đốc) : 2.500USD/tháng.
- Ông Chiu Tsung Jen (thành viên BKS) : 1.350USD/tháng.

#### 7.1.8 Tỷ lệ sở hữu cổ phần và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ cổ phần của thành viên Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát

Stt	Họ tên	Chức vụ	Số lượng sở hữu
<b>I</b>	<b>Hội đồng Quản trị</b>		
1.	Shen Shang Pang	Chủ tịch HĐQT	63.504
2.	Shen Shang Tao	Phó chủ tịch HĐQT	40.666
3.	Shen San Hung	Thành viên HĐQT	42.220
4.	Shen San Yi	Thành viên HĐQT	56.941
5.	Wang Yen Huang	Thành viên HĐQT	0
<b>II.</b>	<b>Ban kiểm soát</b>		
1.	Kuo Lao Fu	Trưởng Ban kiểm soát	861
2.	Chiu Tsung Jen	Thành viên BKS	2.100
<b>III.</b>	<b>Ban Giám Đốc</b>		
1.	Wang Ting Shu	Tổng giám đốc	0
2.	Chiu Chin Teng	Phó TGD chi nhánh Hải Dương	21.861

#### 7.2. Thông tin cổ đông

- Thông tin chi tiết về cơ cấu cổ đông đến ngày 28/03/2011

Cổ đông	Số cổ phiếu	VND	%
---------	-------------	-----	---

<b>Tổng số cổ phần công ty</b>	<b>27.901.377</b>	<b>279.013.770.000</b>	<b>100</b>
<b>Cổ đông sáng lập</b>			
Taya Electric Wire & Cable Co., Ltd	16.742.197	167.421.970.000	60
Great China Electric Wire & Cable Co., Ltd	5.580.687	55.806.870.000	20
<b>HDQT, BKS</b>			
Thành viên HDQT	203.331	2.033.310.000	20
Thành viên BKS	2.961	29.610.000	
Ban giám đốc	21.861	218.610.000	
Cổ phiếu quỹ	9.363	93.630.000	
Các cổ đông khác	5.340.977	53.409.770.000	
<b>Tổng cộng</b>	<b>27.901.377</b>	<b>279.013.770.000</b>	<b>100</b>

Ngày 04 tháng 04 năm 2011  
TỔNG GIÁM ĐỐC

Wang Ting Shu